VGP CHINHPHU.VN
Người ký: CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 14.01.2025 09:33:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /QĐ-UBND	*Đồng Nai, ngày 08 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Giờ: C
Ngày: 13/01/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/82024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Thực hiện Công văn số 7585/BNV-TL ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nội vụ về việc thực hiện chế độ tiền thưởng;

Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 8960/STC-NSNN ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tiền thưởng năm 2024 theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ với tổng số tiền **227.107.000.000 đồng** *(Bằng chữ:*

Hai trăm hai mươi bảy tỷ, một trăm lẻ bảy triệu đồng) từ nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của ngân sách tỉnh Đồng Nai năm 2024. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao trách nhiệm các cơ quan, đơn vị:

1. Thực hiện chi trả chế độ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 62/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính, Công văn số 7585/BNV-TL ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Nội vụ, các văn bản hướng dẫn liên quan và Quy chế tiền thưởng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đúng quy định hiện hành.

3. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện việc chi chế độ tiền thưởng chịu trách nhiệm trong công tác xem xét, phê duyệt ban hành Quy chế tiền thưởng theo đúng quy trình, thủ tục và không vi phạm các hành vi nghiêm cấm theo Luật thi đua khen thưởng. Trường hợp khó khăn vướng mắc, cơ quan, đơn vị liên hệ Sở Nội vụ để được hướng dẫn cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài chính thực hiện phân bổ và cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tại Điều 1, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (A+B); Website Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh – Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Minh Dũng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

NHU CẦU QUỸ TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NGÀY 30/6/2024 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2024 CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHỐI TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 57 /QĐ-UBND ngày 08 /01/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	QUỸ TIỀN THƯỞNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024	GHI CHÚ
1	2	7 = 6*6 tháng	
I	**Tổng cộng**	**57.443,13**	
1	**Sự nghiệp giáo dục - đào tạo**	23.012,66	
1.1	- Giáo dục:	19.715,53	
1.1.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	19.437,77	
1.1.2	Trường Đại học Đồng Nai	277,76	
1.2	- Đào tạo	3.297,13	
1.2.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	349,20	
1.2.2	Trường Đại học Đồng Nai	1.580,78	
1.2.3	Trường Cao đẳng Y tế	330,00	
1.2.4	Trường Cao đẳng Kỹ thuật	419,52	
1.2.5	Trường Cao đẳng công nghệ cao	434,03	
1.2.6	Trường Chính trị	183,60	
2	**Sự nghiệp y tế**	**19.095,07**	
	Sở Y tế	19.095,07	
3	**Sự nghiệp Khoa học - Công nghệ**	**48,60**	
	Ban Quản lý Khu công nghệ cao CNSH	48,60	
4	**Sự nghiệp văn hoá thông tin**	**958,57**	
4.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	669,60	
4.2	Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai	66,00	
4.3	Trung tâm Hội nghị và Tổ chức sự kiện (Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)	75,44	
4.4	Tỉnh đoàn (Nhà Thiếu nhi)	147,53	
5	**Sự nghiệp phát thanh truyền hình**	**733,20**	
6	**Sự nghiệp thể dục - thể thao**	**203,40**	
	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	203,40	
7	**Sự nghiệp đảm bảo xã hội**	**823,80**	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	823,80	
8	**Các hoạt động kinh tế**	**2.141,75**	
8.1	Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai	702,00	
8.2	Sở Nông nghiệp và PTNT	824,28	
8.3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	44,40	

8.4	Sở Giao thông Vận tải	324,68	
8.5	Trung tâm Công nghệ Thông tin (STTTT)	118,05	
8.6	Sở Công thương	128,35	
9	**Sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**264,00**	
	Khu Bảo tồn thiên nhiên Văn hóa ĐN	264,00	
10	**Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể**	8.525,20	
10.1	**Quản lý NN**	**7.354,09**	
10.1.1	Sở Tài nguyên và Môi trường	491,24	
10.1.2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	401,58	
10.1.3	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	336,48	
10.1.4	Sở Xây dựng	343,20	
10.1.5	Sở Nông nghiệp và PTNT	1.140,51	
10.1.6	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	267,60	
10.1.7	Sở Khoa học và Công nghệ	255,16	
10.1.8	Ban Quản lý Khu công nghệ cao CNSH	85,20	
10.1.9	Thanh tra tỉnh	210,00	
10.1.10	Sở Kế hoạch và đầu tư	318,60	
10.1.11	Sở Công thương	273,47	
10.1.12	Sở Y tế	369,81	
10.1.13	Ban Dân tộc	72,60	
10.01.14	Sở Ngoại vụ	94,36	
10.1.15	Sở Nội vụ	437,33	
10.1.16	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	219,27	
10.1.17	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	451,64	
10.1.18	Sở Thông tin và Truyền thông	161,46	
10.1.19	Sở Giao thông vận tải	552,33	
10.1.20	Sở Giáo dục và Đào tạo	290,90	
10.1.21	Sở Tư pháp	151,17	
10.1.22	Sở Tài chính	395,96	
10.1.23	Ban An toàn giao thông	34,22	
10.2	**Tổ chức chính trị, xã hội**	**628,93**	
10.2.1	Ủy ban mặt trận Tổ quốc	136,80	
10.2.2	Tỉnh đoàn	238,89	
10.2.3	Hội liên hiệp phụ nữ	102,00	
10.2.4	Hội nông dân	100,84	
10.2.5	Hội cựu chiến binh	50,40	
10.3	**Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp**	**542,17**	
10.3.1	Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật	25,20	
10.3.2	Hội khuyến học	43,20	
10.3.3	Hội Văn học nghệ thuật	49,14	
10.3.4	Hội Luật gia	27,48	
10.3.5	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	63,39	
10.3.6	Liên minh hợp tác xã	77,22	
10.3.7	Hội nhà báo	21,62	
10.3.8	Hội sinh viên	9,86	

10.3.9	Hội Người mù	37,25	
10.3.10	Hội Chữ thập đỏ	51,30	
10.3.11	Hội Cựu Thanh niên xung phong	33,60	
10.3.12	Hội Nạn nhân chất độc da cam/ Dioxin	33,77	
10.3.13	Hội Người cao tuổi	33,49	
10.3.14	Hội Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt, tù đày	35,66	
10.4	**Đảng (Tỉnh ủy)**	**1.513,00**	
11	**Sự nghiệp khác**	123,87	
11.1	Sở Tư pháp	123,87	

UBND TỈNH ĐỒNG NAI

BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG DỰ TOÁN KINH PHÍ TIỀN THƯỞNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 57 /QĐ-UBND ngày 08 /01/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Kinh phí	Ghi chú
1	Thành phố Biên Hòa	39.180	
2	Thành phố Long Khánh	10.726	
3	Huyện Vĩnh Cửu	9.634	
4	Huyện Trảng Bom	16.222	
5	Huyện Thống Nhất	10.761	
6	Huyện Định Quán	15.333	
7	Huyện Tân Phú	14.075	
8	Huyện Xuân Lộc	17.064	
9	Huyện Cẩm Mỹ	12.332	
10	Huyện Long Thành	12.476	
11	Huyện Nhơn Trạch	11.861	
	Tổng cộng	**169.664**	